



CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM &  
TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

**HOÀNG ĐỨC**

GDP-GSP  
ISO 9001 : 2008

Vì Sức Khỏe Cộng Đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 25 tháng 04 năm 2025

Số: 1067/2025/TENDER  
(V/v thay đổi SDK Beprasan 10mg)

## Kính gửi: SỞ Y TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Lời đầu tiên, Công ty TNHH Dược Phẩm và Trang Thiết Bị Y tế Hoàng Đức chân thành cảm ơn Quý Sở Y Tế đã quan tâm ủng hộ các sản phẩm của công ty chúng tôi phân phối trong suốt thời gian qua.

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-SYT ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Sở Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu mua thuốc generic cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước đợt 1 giai đoạn 2023 – 2025;;

Căn cứ khả năng cung ứng hàng hóa của Công ty TNHH Dược Phẩm & Trang Thiết Bị Y tế Hoàng Đức.

Công ty TNHH Dược Phẩm và Trang Thiết Bị Y tế Hoàng Đức là nhà phân phối chính thức cho sản phẩm **Beprasan 10mg** (*Rabeprazol natri, 10mg*). Chúng tôi đã trúng thầu sản phẩm **Beprasan 10mg** tại Quý Sở Y Tế. Nhưng hiện tại, sản phẩm này đã được Cục Quản lý Dược cấp số đăng ký mới 383110528424, lô hàng theo số đăng ký mới này đã được nhập về kho và sẽ cung ứng cho Quý Sở Y Tế.

Bằng văn bản này, chúng tôi xin thông báo về việc điều chỉnh và cung ứng sản phẩm **Beprasan 10mg** theo số đăng ký mới **383110528424**. Việc thay đổi Số đăng ký này không ảnh hưởng đến các thông tin khác cũng như chất lượng sản phẩm. (đính kèm Quyết định số 407/QĐ-QLD ngày 19/06/2024 để Quý Sở Y Tế đối chiếu).

Kính mong Quý Sở Y Tế xem xét và chấp thuận.

Trân trọng cảm ơn và kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu phòng thầu

ĐẠI DIỆN CÔNG TY  
GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VŨ HOÀNG TRUNG



**BỘ Y TẾ**  
MINISTRY OF HEALTH  
**CỤC QUẢN LÝ DƯỢC**  
DRUG ADMINISTRATION OF VIETNAM

Địa chỉ: 138A Giảng Võ - Hà Nội - Việt Nam  
Tel: 84.4.37366483/38464413 Fax: 84.438234758

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Independence - Freedom - Happiness



**GIẤY PHÉP LƯU HÀNH SẢN PHẨM**  
**MARKETING AUTHORIZATION**

Tên thuốc : **Bepurasan 10mg**  
Name of Drug:

Thành phần chính, hàm lượng : **Rabeprazol natri 10mg**  
Active Ingredients, Strength:

Qui cách đóng gói, bảo chế : **Hộp 1 vỉ x 10 viên; Viên nén kháng dịch vị**  
Packing Size, Dosage form:

Tiêu chuẩn chất lượng : **NSX**  
Quality Specification:

Hạn dùng : **24 tháng**  
Shelf-life:

Số giấy phép lưu hành sản phẩm (SĐK):  
Marketing Authorization Number:

**VN-21084-18**

Số quyết định : **173/QĐ-QLD**  
Approval Decision Number:

Ngày cấp: **27/3/2018**  
Date of Issuance:

Hiệu lực của giấy phép lưu hành sản phẩm: có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp  
Expiration Date of this Marketing Authorization:

Tên cơ sở đăng ký : **Novartis (Singapore) Pte Ltd**  
Name of Marketing Authorization Holder

Địa chỉ : **10 Collyer Quay, # 10-01, Ocean Financial Centre**  
Address: **Singapore (049315) - Singapore**

Tên cơ sở sản xuất : **Lek Pharmaceuticals d.d.**  
Name of Manufacturer:

Địa chỉ : **Verovskova 57, 1526 Ljubljana - Slovenia**  
Address:

Tên cơ sở đóng gói :  
Name of Assembler

Địa chỉ :  
Address.

Hà Nội, ngày **27** tháng **3** năm **2018**.  
**KT. CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC**  
FOR GENERAL-DIRECTOR OF THE DRUG ADMINISTRATION OF VIETNAM  
**PHÓ CỤC TRƯỞNG**  
DEPUTY GENERAL-DIRECTOR

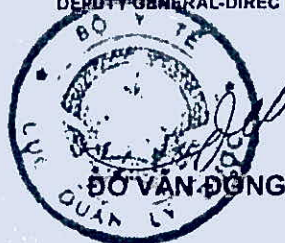
Ghi chú: (Note)

1- Giấy phép lưu hành sản phẩm này được cấp theo đúng hồ sơ đăng ký thuốc đã được Bộ Y tế phê duyệt.

This marketing authorization has been issued in accordance with the dossier approved by the Vietnam Ministry of Health.

2- Bất cứ sự thay đổi nào về nội dung của giấy phép phải được Cục Quản lý dược - Bộ Y tế xác nhận.

Any variations of the contents of the marketing authorization are required to be adopted by the Drug Administration of Vietnam.



Alle





Ký bởi: Cục Quản  
lý Dược  
Cơ quan: Bộ Y tế  
Ngày ký: 19/01/2024  
2024 15:18:02  
+07.00

BỘ Y TẾ  
**CỤC QUẢN LÝ DƯỢC**

Số: 407 /QĐ-QLD

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành danh mục 174 thuốc nước ngoài**  
**được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 120**

**CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC**

*Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Quyết định số 1969/QĐ-BYT ngày 26/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Dược thuộc Bộ Y tế;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BYT ngày 05/09/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc;*

*Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Bộ Y tế đợt 120 tại Công văn số 48/HĐTV-VPHĐ ngày 22/05/2024 của Văn phòng Hội đồng tư vấn cấp GĐKLH thuốc, nguyên liệu làm thuốc;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc - Cục Quản lý Dược.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 174 thuốc nước ngoài được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 120, cụ thể:

1. Danh mục 155 thuốc nước ngoài được gia hạn giấy đăng ký lưu hành hiệu lực 05 năm – Đợt 120 (*Phụ lục I kèm theo*).

4. Danh mục 19 thuốc nước ngoài được gia hạn giấy đăng ký lưu hành hiệu lực 03 năm – Đợt 120 (*Phụ lục II kèm theo*).

**Điều 2.** Cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký thuốc có trách nhiệm:

1. Sản xuất, cung cấp thuốc vào Việt Nam theo đúng các hồ sơ, tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế và phải in số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp lên nhãn thuốc.

2. Chấp hành đầy đủ pháp luật của Việt Nam và các quy định của Bộ Y tế về sản xuất, nhập khẩu thuốc và lưu hành thuốc tại Việt Nam, nếu có bất cứ thay đổi gì trong quá trình lưu hành thuốc ở nước sở tại và ở Việt Nam thì phải báo cáo ngay cho Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế Việt Nam.

3. Thực hiện việc cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của thuốc theo quy định tại Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc, Thông tư số 03/2020/TT-BYT ngày 22/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 11/2018/TT-BYT quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

4. Thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Quyết định này nhưng chưa nộp hồ sơ cập nhật nội dung nhãn thuốc, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc theo quy định của Thông tư 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế thì phải thực hiện cập nhật theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 37 Thông tư số 01/2018/TT-BYT trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được gia hạn giấy đăng ký lưu hành.

5. Sau 12 tháng kể từ ngày ký ban hành Quyết định này, các thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành theo Quyết định này có thay đổi về nội dung hành chính phải sản xuất và lưu hành với các nội dung đã được phê duyệt thay đổi trong hồ sơ gia hạn.



6. Cơ sở đăng ký thuốc phải bảo đảm duy trì điều kiện hoạt động trong thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Trong trường hợp không còn đáp ứng đủ điều kiện hoạt động, cơ sở đăng ký phải có trách nhiệm thực hiện thay đổi cơ sở đăng ký theo quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BYT trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ sở đăng ký không còn đủ điều kiện hoạt động.

7. Cơ sở đăng ký thuốc phải báo cáo Bộ Y tế (Cục Quản lý Dược) về cập nhật tình trạng đáp ứng Thực hành tốt sản xuất của cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Trường hợp cơ sở sản xuất bị thu hồi giấy phép sản xuất hoặc không đáp ứng Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc ở nước sở tại, cơ sở phải thực hiện việc báo cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có thông báo của cơ quan quản lý có thẩm quyền nước sở tại theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 100 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

8. Các thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Quyết định này được tiếp tục sử dụng số đăng ký đã cấp trước khi gia hạn trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày được cấp số đăng ký gia hạn theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BYT.

9. Phối hợp với các cơ sở điều trị để thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về thuốc kê đơn, theo dõi an toàn, hiệu quả, tác dụng không mong muốn của thuốc trên người Việt Nam và tổng hợp, báo cáo theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 08/2022/TT-BYT đối với các thuốc trong Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

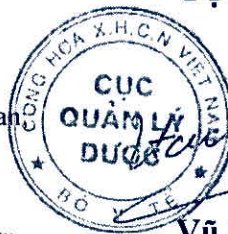
**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, giám đốc nhà sản xuất và cơ sở đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr. Đỗ Xuân Tuyên (để b/c);
- Cục Quân Y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an
- Cục Y tế GTVT - Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm Xã hội Việt Nam;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Cục QLKCB, Thanh tra Bộ, Văn phòng HĐTV cấp GĐKLH thuốc, NLLT;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Viện KN thuốc TỰ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược VN-CTCP;
- Các Công ty XNK dược phẩm;
- Các Bệnh viện & Viện có giường bệnh trực thuộc BHYT;
- Trung tâm mua sắm tập trung thuốc quốc gia;
- Các phòng Cục QLD: QLGT, QLKDD, QLCLT, PCHN, VP Cục; Website Cục QLD.
- Lưu: VT, ĐKT (2b) (NT).

**CỤC TRƯỞNG**



**Vũ Tuấn Cường**



**Phụ lục I**

**DANH MỤC 155 THUỐC NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC GIA HẠN GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH  
TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 5 NĂM - ĐỢT 120**

*(Kèm theo Quyết định số: ...407...../QĐ-QLD, ngày 19.../06./2024 của Cục Quản lý Dược)*

| STT | Tên thuốc | Hoạt chất chính<br>– Hàm lượng | Dạng<br>bào chế | Quy cách<br>đóng gói | Tiêu<br>chuẩn | Tuổi<br>thọ<br>(tháng) | Số đăng ký<br>gia hạn<br>(Số đăng ký<br>đã cấp) | Số<br>lần<br>gia<br>hạn<br>(9) |
|-----|-----------|--------------------------------|-----------------|----------------------|---------------|------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------|
| (1) | (2)       | (3)                            | (4)             | (5)                  | (6)           | (7)                    | (8)                                             | (9)                            |

**1. Cơ sở đăng ký: Actavis International Ltd.** (Địa chỉ: No.4 SQAQ Tal-gidi Off Valletta Road, Luqa, LQA 6000, Malta)

**1.1. Cơ sở sản xuất: Balkanpharma-Dupnitsa AD** (Địa chỉ: 3, Samokovsko shosse Str., Dupnitsa 2600, Bungary)

|   |                    |                  |                      |                       |     |    |                               |    |
|---|--------------------|------------------|----------------------|-----------------------|-----|----|-------------------------------|----|
| 1 | Irprestan<br>150mg | Irbesartan 150mg | Viên nén<br>bao phim | Hộp 2 vỉ x<br>14 viên | NSX | 24 | 380110516024<br>(VN-21977-19) | 01 |
|---|--------------------|------------------|----------------------|-----------------------|-----|----|-------------------------------|----|

**1.2. Cơ sở sản xuất: S.C. Sindan - Pharma S.R.L.** (Địa chỉ: 11 Ion Mihalache Blvd., 011171, Bucharest, Romania)

|   |         |                                                            |                                                                                 |                 |     |    |                              |    |
|---|---------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----|----|------------------------------|----|
| 2 | Firotex | Topotecan (dưới<br>dạng topotecan<br>hydrochloride)<br>4mg | Bột đông<br>khô pha<br>dung<br>dịch đậm<br>đặc để<br>pha dung<br>dịch<br>truyền | Hộp 1 Lọ<br>4mg | NSX | 36 | 594114516124<br>(VN2-340-15) | 01 |
|---|---------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----|----|------------------------------|----|

**1.3. Cơ sở sản xuất: S.C. Sindan - Pharma S.R.L.** (Địa chỉ: 11th Ion Mihalache Blvd., Sector 1, Zip code 011171, Bucharest, Romania)

|   |                        |                                                                |                                                          |                 |     |    |                               |    |
|---|------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------|-----|----|-------------------------------|----|
| 3 | Vinorelsin<br>50mg/5ml | Vinorelbine (dưới<br>dạng Vinorelbine<br>tartrate)<br>50mg/5ml | Dung<br>dịch đậm<br>đặc để<br>pha dịch<br>tiêm<br>truyền | Hộp 1 Lọ<br>5ml | NSX | 36 | 594114516224<br>(VN-17629-14) | 01 |
|---|------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------|-----|----|-------------------------------|----|

**2. Cơ sở đăng ký: Ajanta Pharma Limited** (Địa chỉ: Ajanta House, 98, Government Industrial Area, Charkop, Kandivli (West), Mumbai-400 067, India)

**2.1. Cơ sở sản xuất: Ajanta Pharma Limited** (Địa chỉ: Plot No. B-4/5/6, MIDC, Paithan, Aurangabad 431148 Maharashtra State, India)

|   |             |                              |                      |                                               |     |    |                               |    |
|---|-------------|------------------------------|----------------------|-----------------------------------------------|-----|----|-------------------------------|----|
| 4 | Kaportan 20 | Olmesartan<br>medoxomil 20mg | Viên nén<br>bao phim | Hộp lớn<br>chứa 10<br>Hộp x 1 vỉ<br>x 10 viên | NSX | 36 | 890110516324<br>(VN-18981-15) | 01 |
|---|-------------|------------------------------|----------------------|-----------------------------------------------|-----|----|-------------------------------|----|

**3. Cơ sở đăng ký: Albios Lifesciences Private Limited** (Địa chỉ: A1/802, Palladium, Corporate Road, B/h Divyabhaskar, Off S.G Highway, Makarba, Ahmedabad, Ahmedabad, Gujarat-GJ, 380015, India)

**3.1. Cơ sở sản xuất: Denis Chem Lab Limited** (Địa chỉ: Block 457, Village-Chhatral, Tal-Kalol, Dist. Gandhinagar - 382 729, Gujarat State, India)



| STT | Tên thuốc             | Hoạt chất chính<br>– Hàm lượng                                 | Dạng<br>bào chế                                            | Quy cách<br>đóng gói | Tiêu<br>chuẩn | Tuổi<br>thọ<br>(tháng) | Số đăng ký<br>gia hạn<br>(Số đăng ký<br>đã cấp) | Số<br>lần<br>gia<br>hạn |
|-----|-----------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------|---------------|------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------|
| (1) | (2)                   | (3)                                                            | (4)                                                        | (5)                  | (6)           | (7)                    | (8)                                             | (9)                     |
| 122 | Gemcitabin<br>"Ebewe" | Gemcitabin (dưới<br>dạng Gemcitabin<br>hydroclorid)<br>10mg/ml | Dung<br>dịch đậm<br>đặc pha<br>dung<br>dịch tiêm<br>truyền | Hộp 1 lọ<br>100ml    | NSX           | 24                     | 900114528124<br>(VN-20826-17)                   | 01                      |

**69.2. Cơ sở sản xuất: Lek Pharmaceuticals d.d (Địa chỉ: Perzonalj 47, 2391 Prevalje, Slovenia)**

|     |                                    |                                                                                                                       |                  |                      |     |    |                               |    |
|-----|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------|-----|----|-------------------------------|----|
| 123 | Amoksiklav<br>Quicktabs<br>1000 mg | Acid clavulanic<br>(dưới dạng Kali<br>clavulanat) 125mg,<br>Amoxicillin (dưới<br>dạng Amoxicillin<br>trihydrat) 875mg | Viên<br>phân tán | Hộp 7 vi x<br>2 viên | NSX | 36 | 383110528224<br>(VN-18594-15) | 01 |
| 124 | Amoksiklav<br>Quicktabs<br>625mg   | Acid clavulanic<br>(dưới dạng Kali<br>clavulanat) 125mg,<br>Amoxicillin (dưới<br>dạng Amoxicillin<br>trihydrat) 500mg | Viên<br>phân tán | Hộp 7 vi x<br>2 viên | NSX | 36 | 383110528324<br>(VN-18595-15) | 01 |

**69.3. Cơ sở sản xuất: Lek Pharmaceuticals d.d. (Địa chỉ: Verovskova 57, 1526 Ljubljana, Slovenia)**

|     |                   |                          |                              |                       |     |    |                               |    |
|-----|-------------------|--------------------------|------------------------------|-----------------------|-----|----|-------------------------------|----|
| 125 | Bepurasan<br>10mg | Rabeprazol natri<br>10mg | Viên nén<br>kháng<br>dịch vị | Hộp 1 vi x<br>10 viên | NSX | 24 | 383110528424<br>(VN-21084-18) | 01 |
| 126 | Bepurasan<br>20mg | Rabeprazol natri<br>20mg | Viên nén<br>kháng<br>dịch vị | Hộp 1 vi x<br>10 viên | NSX | 24 | 383110528524<br>(VN-21085-18) | 01 |

**69.4. Cơ sở sản xuất: Lek Pharmaceuticals d.d. (Địa chỉ: Verovskova ulica 57, 1526 Ljubljana, Slovenia)**

**Cơ sở đóng gói: Lek Pharmaceuticals d.d. (Địa chỉ: Trimlini 2D, 9220 Lendava, Slovenia)**

|     |                  |                                                   |                      |                       |     |    |                               |    |
|-----|------------------|---------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|-----|----|-------------------------------|----|
| 127 | Tensiber<br>Plus | Hydroclorothiazide<br>12,5mg;<br>Irbesartan 150mg | Viên nén<br>bao phim | Hộp 3 vi x<br>10 viên | NSX | 24 | 383110528624<br>(VN-21323-18) | 01 |
|-----|------------------|---------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|-----|----|-------------------------------|----|

**69.5. Cơ sở sản xuất: Salutas Pharma GmbH (Địa chỉ: Otto-von-Guericke-Allee 1, 39179 Barleben, Germany)**

|     |                |                |                      |                       |     |    |                               |    |
|-----|----------------|----------------|----------------------|-----------------------|-----|----|-------------------------------|----|
| 128 | Anozeol<br>1mg | Anastrozol 1mg | Viên nén<br>bao phim | Hộp 2 vi x<br>14 viên | NSX | 60 | 400114528724<br>(VN-20039-16) | 01 |
|-----|----------------|----------------|----------------------|-----------------------|-----|----|-------------------------------|----|

**70. Cơ sở đăng ký: Organon Hong Kong Limited (Địa chỉ: Unit 48-136, 48/F, Lee Garden One, 33 Hysan Avenue, Causeway Bay, Hong Kong)**

**70.1. Cơ sở sản xuất: MSD International GmbH (Puerto Rico Branch) LLC (Địa chỉ: Pridco Industrial Park, State Road 183, Las Piedras, Puerto Rico 00771, Puerto Rico)**

**Cơ sở sản xuất bán thành phẩm (cốm ezetimibe và cốm atorvastatin): MSD International GmbH (Singapore Branch) (Địa chỉ: 70 Tuas West Drive, Singapore 638414, Singapore)**

**Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme B.V. (Địa chỉ: Waarderweg 39, 2031 BN Haarlem, The Netherlands)**

